

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-TTg ngày 08/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HDT ngày 15/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

Xét hồ sơ xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét duyệt danh sách miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2025 - 2026 cho 43 sinh viên (danh sách đính kèm) trong đó:

- 10 sinh viên được giảm 50% học phí.
- 05 sinh viên được giảm 70% học phí.
- 28 sinh viên được miễn 100% học phí.

Điều 2. Mức học phí miễn giảm được căn cứ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó HT Nguyễn Linh Nam;
- Lưu: VT, KHTC, CTSV.



Nguyễn Lê Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

(Kèm theo quyết định số 1015 /QĐ-ĐHSPKT ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)

TT	MSV	Họ tên	Ngày sinh	LMG	TL	Số tiền MG	Số tài khoản	Ghi chú
1	25115061125309	Alăng Siêu	12/07/2007	Dân tộc	70	6.475.000	1060337956	
2	21115042120115	Bùi Xuân Công	15/03/2003	TB3/4	100	9.250.000	100875331907	
3	23115041122323	Đào Việt Hưng	29/09/2005	TB4/4	100	9.250.000	106880013980	
4	25115061125346	Hồ Hồng Vinh	05/01/2007	Dân tộc	70	6.475.000	1060337968	
5	25115052225234	Hồ Phi Vũ	01/09/2007	Khuyết tật	100	9.250.000	1060238242	
6	21115043120170	Hoàng Thế Bảo	14/04/2003	TNLD	50	4.625.000	108875331936	
7	2415054122138	Hứa Văn Nghiệp	21/09/2005	Dân tộc HN,CN	100	9.250.000	1049943359	
8	25115073125203	Lại Quốc Chiến	17/10/2004	Khuyết tật	100	9.250.000	1060301737	
9	22115073122117	Lê Hạnh Khôi	31/05/2004	TB2/4	100	9.250.000	103877456717	
10	25115041125311	Lê Hữu Minh	10/04/2007	Khuyết tật	100	9.250.000	1060237861	
11	25115053125202	Lê Nam Khang	02/02/2006	Khuyết tật	100	9.250.000	1060301661	
12	23115055122235	Lê Văn Ry	22/10/2005	TB2/4	100	9.250.000	103880014316	
13	2415041122121	Lữ Tuấn Khang	10/02/2006	Dân tộc	70	6.475.000	1049943650	
14	22115042122208	Mạc Kỳ Dĩ	14/11/2004	Dân tộc HN,CN	100	9.250.000	109877456411	
15	2415044122331	Ngô Hoàng Phương	28/07/2006	TNLD	50	4.625.000	1049942216	
16	21115051220113	Nguyễn Đình Đức	05/05/2003	LS	100	9.250.000	108875094879	
17	22115053122137	Nguyễn Đình Thi	05/04/2004	TB4/4	100	9.250.000	102877456145	
18	21115053120335	Nguyễn Hữu Phương	03/06/2003	TNLD	50	4.625.000	106875164678	
19	22115043122238	Nguyễn Minh Trí	18/10/2004	TB3/4	100	9.250.000	113000042348	
20	2415041122156	Nguyễn Phước Vũ	04/04/2006	Khuyết tật	100	9.250.000	1049942651	
21	25115052225130	Nguyễn Thành Lâm	22/08/2007	TNLD	50	4.625.000	1060386686	
22	22115053122215	Nguyễn Thị Huệ	12/03/2004	TB4/4	100	9.250.000	106877455633	
23	23115053122242	Nguyễn Thị Thương	15/11/2005	MC	100	9.250.000	107880014842	
24	25115044125319	Nguyễn Tiến Tâm	26/07/2007	TB3/4	100	9.250.000	1060337767	

TT	MSV	Họ tên	Ngày sinh	LMG	TL	Số tiền MG	Số tài khoản	Ghi chú
25	2415042122217	Nguyễn Trọng Hiếu	25/02/2006	TNLD	50	4.625.000	1049942675	
26	25115053125247	Nguyễn Trường Sơn	05/09/2007	TB1/4	100	9.250.000	1060301534	
27	2415042122123	Nông Quang Huy	08/04/2006	Dân tộc HN.CN	100	9.250.000	1049974674	
28	22115051222321	Phạm Đức Huy	26/03/2004	TB3/4	100	9.250.000	109877456735	
29	25115053125204	Phạm Duy Khánh	25/05/2007	TB3/4	100	9.250.000	1060301763	
30	23115055122239	Phạm Phương Bảo Tâm	13/06/2005	MC	100	9.250.000	104880014148	
31	25115042125130	Phạm Thế Hải	29/10/2007	TNLD	50	4.625.000	1060237977	
32	23115061122129	Phạm Văn Phúc	14/02/2005	Dân tộc	70	6.475.000	106880014600	
33	22115141122115	Phan Công Phước	25/12/2004	TB2/4	100	9.250.000	101877456158	
34	22115042122272	Phan Đức Việt	25/09/2004	TB4/4	100	9.250.000	100877456517	
35	22115041122145	Phan Huy Phong	05/08/2004	TNLD	50	4.625.000	107877455562	
36	23115061122108	Phan Văn Cường	21/08/2005	TNLD	50	4.625.000	107880014281	
37	23115051222358	Trần Hoàng Thắng	16/06/2005	TNLD	50	4.625.000	103880014285	
38	21115043120131	Trần Lê Tuấn Kiệt	08/10/2003	TB3/4	100	9.250.000	104875265936	
39	25115053125224	Trần Phước Bảo Ngân	11/10/2004	Khuyết tật	100	9.250.000	1060301530	
40	25115051225135	Trần Thanh Hưng	21/04/2007	MC	100	9.250.000	1060238257	
41	2415044122304	Vi Gia Bảo	23/10/2006	Dân tộc	70	6.475.000	1049941629	
42	22115064122111	Võ Văn Thiện	22/07/2004	TNLD	50	4.625.000	107877456067	
43	25115055125307	Võ Tiến Dũng	17/11/2007	Khuyết tật	100	9.250.000	1749686868	

Tổng cộng:

337.625.000

Bằng chữ: (Ba trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng y)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 10 năm 2025

Phòng Đào tạo

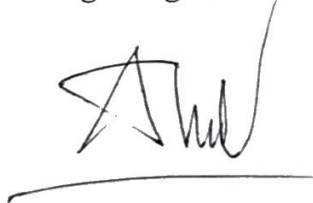
Phòng Công tác sinh viên

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Hiệu trưởng



Huỳnh Nhật Nam



Nguyễn Hữu Thành



Nguyễn Thị Ngọc Linh



Nguyễn Lê Hùng